

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỪ SƠN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày: 27/10/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn*

*Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Đăng Thúy.*

*Ông Đỗ Đức Hùng.*

*Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Phú – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân  
thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tham gia  
phiên toà: Ông Đỗ Tá Tuấn – Kiểm sát viên.*

Ngày 27/10/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2020/TLST-  
KDTM ngày 06/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-KDTM ngày 23/9/2020 giữa các đương  
sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, phường C, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu P – Chuyên viên  
khách hàng theo giấy ủy quyền số 63/2020/UQ-LienvietPostbank BN của ông  
Nguyễn Việt S- Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh và QĐ ủy quyền thực hiện hoạt động  
tổ tụng đối với Giám đốc chi nhánh số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của ông  
Phạm Doãn S- Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP B. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng HKTT: thôn Đ, xã H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn do ông Nguyễn Hữu P. đại diện trình bày:

Ngày 04/4/2018, Ngân hàng TMCP B và ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị Q đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD132201834, số tiền vay: 700.000.000 đồng trong đó bao gồm dư nợ 580.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số HĐTD132201708 ngày 11/5/2017, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ, thời hạn vay là 12 tháng. Ngoài ra trong hợp đồng còn có các điều khoản quy định về lãi suất, trả nợ gốc và lãi, chấm dứt cho vay, thu hồi vốn vay trước hạn,...

Tại khế ước nhận nợ số 132201708/02 ngày 08/02/2018, ông P, bà Q được Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Bắc Ninh- Phòng giao dịch Từ Sơn giải ngân số tiền 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 08/02/2018 đến ngày 08/11/2018.

Tại khế ước nhận nợ số 132201834/01 ngày 05/4/2018, ông P, bà Q được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 120.000.000đ, thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 05/4/2018 đến ngày 05/01/2019.

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP B đã cho ông P, bà Q vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông P, bà Q với Ngân hàng theo hợp đồng trên gồm quyền sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 73, diện tích 145,7 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 331756, do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/3/2016 mang tên ông Nguyễn Hữu P cùng toàn bộ tài sản trên đất. Tài sản được thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2017/HĐTC/PGDTUSON ngày 11/5/2017, công chứng số 1396/2017, quyển số 01 cùng Phụ lục hợp đồng số 31/2017/HĐTC/PGDTUSON-PL01 ngày 04/4/2018, số công chứng 905/2018/PLHĐ quyển số 01 ký ngày 04/4/2018 tại văn phòng công chứng Công Thành và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà Q đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp Đồng hạn mức Tín Dụng, các khế ước nhận nợ. Ông P, bà Q mới trả nguyên đơn được 23.423đ tiền gốc và 45.137.315đ tiền lãi, cụ thể như sau:

+ Khế ước nhận nợ số 132201708/02 ngày 08/2/2018 trả được 23.423đ tiền gốc và 38.168.768đ tiền lãi

+ Khế ước nhận nợ số 132201834/01 ngày 05/4/2018 trả được 6.968.547đ tiền lãi; chưa trả khoản tiền gốc nào.

Dư nợ tạm tính của ông P, bà Q đến hết ngày 27/10/2020 là 932.332.963đ gồm 699.976.577đ tiền nợ gốc; 232.356.386đ tiền lãi

Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà Q phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền tạm tính đến hết ngày 27/10/2020 là 932.332.963đ gồm tiền gốc 699.976.577đ; 232.356.386đ tiền lãi và phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng như đã nêu trên. Trường hợp ông P, bà Q không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 73, diện tích 145,7 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 331756 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/3/2016 mang tên ông Nguyễn Hữu P cùng toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Phía bị đơn là ông P, bà Q qua xác minh tại địa phương thì ông Phú ít khi có mặt tại địa phương, người nhà không nắm được địa chỉ cụ thể của ông Phú; bà Quyết sau khi ly hôn ông Phú đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc nhưng đi làm từ sáng đến tối, cán bộ Tòa án đã nhiều lần đến nhà nhưng không gặp được bà Quyết. Vì vậy, Tòa án không làm việc được với ông P, bà Q. Tòa án đã tiến hành niêm yết và gửi các văn bản tố tụng cho ông P, bà Q theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng ban hành kèm quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông P, bà Q phải có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 699.976.577đ và tiền lãi tính đến hết ngày 27/10/2020 là 232.356.386 đ; tổng cộng là 932.332.963 đ. Kể từ ngày 28/10/2020, ông Phú bà Quyết còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng. (Ông P, bà Q mỗi người phải trả  $\frac{1}{2}$  số nợ của Ngân hàng TMCP B). Trường hợp ông P, bà Q không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp của ông P, bà Q là quyền sử dụng thửa đất số 61 tờ bản đồ 73, diện tích 145,7m<sup>2</sup> cùng toàn bộ tài sản trên đất tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để thu hồi toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phía nguyên đơn tự nguyện chịu và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

{1} Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị Q theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên. Hiện ông Phú thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Ông P, bà Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông P, bà Q có HKTT: tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của các Hợp đồng hạn mức tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết

giữa hai bên. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Xét hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HDTD132201834 ngày 04/4/2018; khế ước nhận nợ số 132201708/02 ngày 08/02/2018; khế ước nhận nợ số 132201834/01 ngày 05/4/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2017/HĐTC/PGDTUSON ngày 11/5/2017, công chứng số 1396/2017, quyển số 01 cùng Phụ lục hợp đồng số 31/2017/HĐTC/PGDTUSON-PL01 ngày 04/4/2018, sổ công chứng 905/2018/PLHĐ quyển số 01 ký ngày 04/4/2018 tại văn phòng công chứng Công Thành, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

{3} Về nội dung tranh chấp: Do phía bị đơn ông Quyết, bà Phú vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên cũng như quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Số tiền gốc chưa thanh toán: từ lời trình bày của đương sự và đối chiếu với tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Tổng số tiền Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho ông P, bà Q vay số tiền gốc là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Ông P, bà Q đã thanh toán trả Ngân hàng được 23.423đ tiền gốc và 45.137.315 đ tiền lãi. Vì vậy, số tiền gốc chưa thanh toán là 699.976.577đ (Sáu trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng).

Về số tiền lãi chưa thanh toán: tính đến hết ngày 27/10/2020 số tiền lãi chưa thanh toán là 232.356.386đ (Hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng. Ông P, bà Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn và chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Số nợ tại Ngân hàng TMCP B là khoản nợ chung của ông P, bà Q nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số nợ này.

Về xử lý tài sản thế chấp: để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết thì ngân hàng với ông Phú đã ký hợp

đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2017/HĐTC/PGDTUSON ngày 11/5/2017, công chứng số 1396/2017, quyền số 01 cùng Phụ lục hợp đồng số 31/2017/HĐTC/PGDTUSON-PL01 ngày 04/4/2018, số công chứng 905/2018/PLHD quyền số 01 ký ngày 04/4/2018 tại văn phòng công chứng Công Thành . Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 73, diện tích 145,7 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 331756 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/3/2016 mang tên ông Nguyễn Hữu P. Hiện trạng tài sản thế chấp tại thời điểm tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Theo ông Tưởng là bố đẻ của anh P thì toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng anh P, chị Q. Qua xác minh tại địa phương thì tài sản thế chấp hiện không có tranh chấp gì với ai. Vì vậy, trường hợp ông P, bà Q không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

{4} Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về chi phí này.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 280, 299, 317, 318, 320, 342, 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng TMCP B số tiền 932.332.963đ (Chín trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) gồm 699.976.577đ (Sáu trăm

chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến hết ngày 27/10/2020 là 232.356.386 đ (Hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng);

Kể từ ngày 28/10/2020, ông P, bà Q phải chịu tiền lãi phát sinh của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD132201834 ngày 04/4/2018; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 132201708/02 ngày 08/02/2018; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 132201834/01 ngày 05/4/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B. (Ông P, bà Q mỗi người phải trả một nửa số nợ trên)

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà ông P, bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông P, bà Q không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 73, diện tích 145,7 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất tại thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 331756, do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/3/2016 mang tên ông Nguyễn Hữu P cùng toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Về án phí: Ông P, bà Q mỗi người phải chịu 19.985.000đ (Mười chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0003626 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và mục 4, 5 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Hoàn**



